

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN, TIÊU THỤ SẢN PHẨM GỖ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN GỖ NƯỚC TA HƯỚNG TỚI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Trần Thị Thu Thủy*

Công nghiệp chế biến lâm sản ở Việt Nam nói chung, đồ gỗ nói riêng đã có bước phát triển đột phá với giá trị hàng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng nhanh (đặc biệt từ 2003 đến nay) và hiện là một trong 7 mặt hàng đem lại kim ngạch xuất khẩu lớn cho đất nước. Điều này tạo ra một vị thế mới cho ngành sản xuất, chế biến gỗ trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, để xây dựng và phát triển một cách bền vững, ngành công nghiệp chế biến gỗ ở Việt Nam đang đứng trước nhiều khó khăn và thách thức lớn, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay.

1. Thực trạng ngành công nghiệp chế biến gỗ

Đến năm 2008, nước ta đã có 2.526 doanh nghiệp chế biến gỗ đang hoạt động trên phạm vi toàn quốc, được phân bố tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ (chiếm 59,1% số doanh nghiệp hoạt động trong ngành chế biến gỗ của cả nước), số lượng và phân bố của các doanh nghiệp chế biến gỗ ở nước ta được thể hiện ở Bảng 1.

Đến nay, ngành chế biến gỗ đã và đang hình thành mạng lưới toàn quốc với nhiều

Bảng 1: Số lượng và phân bố của các doanh nghiệp chế biến gỗ ở Việt Nam giai đoạn 2000-2008

Vùng	Năm 2000		Năm 2005		Năm 2008	
	Số lượng (doanh nghiệp)	Cơ cấu (%)	Số lượng (doanh nghiệp)	Cơ cấu (%)	Số lượng (doanh nghiệp)	Cơ cấu (%)
Cả nước	896	100	1718	100	2526	100
1. Miền Bắc	351	39,17	906	52,7	497	19,67
Đồng bằng Sông Hồng	118	13,16	530	30,85	135	0,84
Đông Bắc	72	8,00	165	9,6	216	5,27
Tây Bắc	10	1,49	20	1,16	16	8,55
Bắc Trung Bộ	151	16,85	191	11,11	127	5,02
2. Miền Nam	545	60,83	811	47,3	2029	80,32
Duyên hải Nam Trung Bộ	124	13,84	116	6,75	185	7,32
Tây Nguyên	125	13,84	99	5,54	185	7,32
Đông Nam Bộ	254	28,34	476	27,7	1493	59,1
Đồng bằng Sông Cửu Long (SCL)	42	4,68	101	5,87	166	4,68

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Vifores.

* Trần Thị Thu Thủy, Tiến sĩ Kinh tế, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

thành phần kinh tế tham gia: Các doanh nghiệp nhà nước (108 đơn vị, chiếm 4,3%); các doanh nghiệp liên doanh và 100% vốn nước ngoài (328 đơn vị, chiếm khoảng 13,0%); các doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 82,7%). Số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong ngành chế biến gỗ phân theo hình thức sở hữu được thể hiện ở Bảng 2.

Như vậy, có thể nói khu vực năng động nhất của ngành công nghiệp chế biến gỗ

Việt Nam chủ yếu tập trung ở TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam Bộ như: Đồng Nai, Bình Dương; các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên như: Bình Định, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Gia Lai, Đắk Lắk và khu vực Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng...

Nhìn chung, các cơ sở chế biến gỗ của Việt Nam đang ở quy mô sản xuất vừa và nhỏ, được phân bố trên phạm vi toàn quốc.

Bảng 2: Số lượng các doanh nghiệp ngành chế biến gỗ ở nước ta phân theo vùng và hình thức sở hữu, 2000, 2008

Vùng	Năm 2000				Năm 2008			
	Tổng số	DNNN	DN dân doanh	DN liên doanh	Tổng số	DNNN	DN dân doanh	DN liên doanh
Cả nước	96	355	512	27	2526	108	1961	328
Miền Bắc	351	161	184	6	497	40	429	13
Đồng bằng Sông Hồng	118	60	56	2	19	6	13	0
Đông Bắc	72	38	32	2	135	16	101	3
Tây Bắc	10	10			216	2	211	3
Bắc Trung Bộ	151	53	96	2	127	16	104	7
Miền Nam	545	194	240	21	2029	68	1469	40
Duyên hải Nam Trung Bộ	545	194	240	21	2029	68	1469	40
Tây Nguyên	125	57	68		185	45	140	0
Đông Nam Bộ	254	70	165	19	1493	4	1010	30
Đồng bằng Sông Cửu Long (SCL)	42	7	35		166	3	163	0

Nguồn: VIFORES, 2008.

2. Sản phẩm gỗ

Ngành công nghiệp chế biến gỗ trong thời gian qua đã và đang từng bước phát triển, tạo ra các sản phẩm phong phú đáp ứng phần lớn nhu cầu tiêu dùng trong nước như: sản phẩm gỗ xẻ, gỗ xây dựng, đồ mộc thông

dụng, Cơ cấu sản phẩm gỗ được thể hiện ở Bảng 3.

Cơ cấu sản phẩm và khối lượng sản phẩm giữa các vùng không giống nhau: vùng Đồng bằng sông Hồng có sản phẩm chế biến gồm gỗ xây dựng, trang trí nội thất, đồ mỹ

Bảng 3: Cơ cấu sản phẩm gỗ Việt Nam năm 2005

	Sản phẩm	Tỷ lệ (%)
1	Gỗ xẻ và đồ mộc các loại	65
2	Dăm mảnh	20
3	Ván nhân tạo	11
4	Khác	4
	Tổng cộng	100

Nguồn: Trần Đức Sinh, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2005.

nghệ,...; vùng Bắc Trung Bộ sản phẩm là gỗ xẻ và phơi đồ mộc để cung cấp cho các vùng khác chế biến đồ mộc; Vùng Đông Nam Bộ là vùng phát triển tương đối toàn diện, sản phẩm đa dạng bao gồm đồ mộc dân dụng, đồ gỗ mỹ nghệ,...

Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường trong nước, sản phẩm chế biến gỗ của Việt Nam đã được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới. Sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam từ chỗ chỉ là sản phẩm thô (gỗ tròn, gỗ xẻ) đã phát triển đạt trình độ gia công cao hơn, áp dụng công nghệ tẩm, sấy, trang trí bề mặt và xuất khẩu các sản phẩm hoàn chỉnh, sản phẩm có giá trị tăng về công nghệ và lao động. Có thể chia thành 4 nhóm chính:

- *Nhóm thứ nhất:* Nhóm sản phẩm đồ mộc ngoài trời bao gồm các loại bàn ghế vườn: ghế băng, dù che nắng, ghế xích đu... làm hoàn toàn từ gỗ hoặc gỗ kết hợp với các vật liệu khác như sắt, nhôm, nhựa..

- *Nhóm thứ hai:* Nhóm sản phẩm đồ mộc trong nhà bao gồm các loại bàn ghế, giường, tủ, kệ sách,... làm hoàn toàn từ gỗ hay kết hợp với các vật liệu khác...

- *Nhóm thứ ba:* Nhóm đồ mỹ nghệ chủ yếu từ gỗ rừng tự nhiên bao gồm bàn, ghế, tủ,... áp dụng các công nghệ chạm, khắc, khảm.

- *Nhóm thứ tư:* Sản phẩm dăm gỗ sản xuất từ gỗ rừng trồng mọc nhanh như gỗ keo, bạch đàn....

Sản phẩm gỗ là mặt hàng có thị trường lớn, khả năng cạnh tranh và chất lượng sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của nhà nhập khẩu song khó khăn cơ bản vẫn là nguồn nguyên liệu nhập khẩu và khả năng đáp ứng những đơn hàng lớn còn hạn chế. Do vậy, nếu có thể khắc phục được những hạn chế này, mặt hàng gỗ sẽ còn có thể gia tăng qui mô xuất khẩu mạnh trong thời gian tới.

Năng lực chế biến và khả năng cung ứng sản phẩm gỗ phục vụ xuất khẩu của các doanh nghiệp đang trong quá trình được nâng lên rõ rệt. Theo đánh giá của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, khác với tình trạng hoạt động manh mún rời rạc trước đây, các doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ trong nước đã có xu hướng hợp tác với nhau để giữ vững thị trường, đáp ứng những đơn hàng lớn từ phía bạn hàng quốc tế. Một điển hình cho sự liên kết này là Cụm công nghiệp gỗ Phú Tài ở Bình Định với gần 60 doanh nghiệp đang cùng hợp tác để sản xuất kinh doanh. Hiện nay, cả nước đã có 2.526 doanh nghiệp chế biến gỗ, trong đó nhiều doanh nghiệp mạnh, có tiềm lực về vốn hình thành nên các tập đoàn chế biến gỗ xuất khẩu lớn như Công ty TNHH Khải Vi, Công ty cổ phần Savimex, Công ty TNHH Trường Thanh - thành phố Hồ Chí Minh,... Mỗi tập đoàn đều đã có khá nhiều công ty vệ tinh.

Về tổ chức nguồn nguyên liệu để phục vụ cho sản xuất sản phẩm gỗ cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, hiện tại, việc xúc tiến thành lập 3 trung tâm chuyên nhập khẩu gỗ ở 3 miền đất nước đang được khẩn trương triển khai thực hiện, trước mắt sẽ là một trung tâm ở phía Bắc. Bên cạnh đó, sự liên kết giữa các lâm trường, các chủ rừng với các công ty chế biến gỗ trong nước đang được thắt chặt trên cơ sở lợi ích của cả hai phía sẽ là những bảo đảm quan trọng cho sự phát triển của ngành sản xuất đồ gỗ trong những năm tới.

3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm

a) Thị trường nội địa

Theo tính toán của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) cho thấy tổng khối lượng sản xuất của Việt Nam về các loại sản phẩm gỗ chủ yếu từ năm 2000 - 2004 như sau:

Bảng 4: Tổng khối lượng sản xuất trong nước, 2000-2004

Sản phẩm	Đơn vị	2000	2001	2002	2003	2004
Dăm gỗ	M/t	337.988	445.865	482.091	631.049	742.243
Bột giấy	M/t	317.500	377.112	505.143	602.000	661.400
Giấy	M/t	3350.000	420.107	538.231	642.000	753.719
Ván dăm	M ³	-	-	29.549	72.309	74.000
MDF	M ³	-	-	17.187	48.897	55.754
Ván dán	M ³	-	-	7.526	14.050	15.000
Gỗ xẻ xây dựng	M ³	-	-	-	2.165.000	2.185.304
Đồ gỗ	M ³	-	-	-	1.125.000	2.220.000

Nguồn: Cục chế biến - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2004.

Trong đó, tổng quy mô sản xuất đồ gỗ Việt Nam ước khoảng 3,4 triệu m³ gỗ quy tròn/năm: Tiêu dùng nội địa ước khoảng 2,2 triệu m³ (chiếm 64,7% lượng sản xuất trong nước), xuất khẩu khoảng 1,2 triệu m³ (chiếm 35,3% lượng sản xuất ra).

Cũng theo kết quả điều tra khảo sát về thị trường gỗ và sản phẩm gỗ của nghiên cứu đánh giá thực trạng và dự báo xu hướng

phát triển thị trường lâm sản của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thực hiện năm 2007, cho thấy:

- Về tiêu thụ gỗ: Khối lượng gỗ tiêu thụ nội địa của 1 số tỉnh ở nước ta là khá lớn: 204.191 m³ (ở Đà Nẵng); 248.091 m³ (Bình Dương) và 500.758 m³ (ở Đồng Nai), được thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5: Khối lượng gỗ tiêu thụ nội địa ở một số tỉnh của Việt Nam, 2001-2005.

Đơn vị: m³

Tỉnh, thành	2001	2002	2003	2004	2005
Đà Nẵng	83.563	99.634	121.845	170.525	204.191
Bình Định	20.250	25.128	25.620	29.139	39.498
Gia Lai	10.000	11.000	12.000	10.000	17.000
Bình Dương	112.268	289.070	299.584	313.735	248.091
Đồng Nai	-	-	-	406.992	500.758
Kiên Giang	29.600	124.000	67.040	-	-

Nguồn: Đề tài đánh giá thực trạng và dự báo xu hướng phát triển thị trường lâm sản, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

- Về tiêu thụ sản phẩm gỗ:

Kết quả nghiên cứu đánh giá thực trạng và dự báo xu hướng phát triển thị trường lâm sản cũng cho thấy: Trị giá đồ gỗ tiêu dùng nội địa ở một số địa phương nước ta tương đối lớn: Năm 2005 tỉnh Bắc Ninh đã

tiêu dùng đồ gỗ mỹ nghệ với trị giá 5.350 triệu đồng và tiêu dùng đồ gỗ nội thất ở mức giá trị 1.100,45 triệu đồng; và Bình Dương đã cung cấp cho thị trường nội địa với tổng giá trị lên đến 8.095.272 triệu đồng, được thể hiện ở Bảng 6.

Bảng 6: Trị giá đồ gỗ tiêu dùng nội địa của tỉnh Bắc Ninh và Bình Dương

Đơn vị: triệu đồng

Tỉnh, thành	2001	2002	2003	2004	2005
1. Bắc Ninh					
Đồ gỗ mỹ nghệ	4000	4250	4550	5150	5350
Đồ gỗ nội thất	104,71	1000	2105,4	1124,6	1100,45
2. Bình Dương					
Tổng giá trị	1.628.229	2.986.154	4.546.198	5.431.614	8.095.272
Đồ Mộc	232.813	801.389	1.700.879	1.523.171	3.617.653
Đồ gỗ mỹ nghệ	8.447	10.980	17.037	22.240	28.441
Sản phẩm khác	1.386.969	2.173.785	2.828.282	3.886.203	4.449.178

Nguồn: Đề tài đánh giá thực trạng và dự báo xu hướng phát triển thị trường lâm sản, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu về thị trường lâm sản cho thấy: Hàng năm, các doanh nghiệp sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm gỗ đã cung cấp cho thị trường nội địa khối lượng sản phẩm rất lớn: Năm 2005, Đà Nẵng đã cung cấp cho thị trường nội địa 109.733 sản phẩm đồ mộc nội thất các loại và Nghệ An

đã cung cấp cho thị trường nội địa 3.810.000 bộ sản phẩm thủ công mỹ nghệ (2005). Bảng 7 sẽ thấy rõ hơn khối lượng các sản phẩm đồ gỗ được tiêu thụ ở thị trường nội địa.

Có thể nói, thị trường nội địa có vị trí rất quan trọng của ngành công nghiệp sản xuất chế biến đồ gỗ. Do có sự khác nhau lớn về

Bảng 7: Tình hình tiêu dùng nội địa một số sản phẩm gỗ của một số tỉnh

Tỉnh, thành	Đơn vị	2001	2002	2003	2004	2005
1. Đà Nẵng						
Đồ mộc dùng trong xây dựng	m ³	17970	18659	20632	22937	26978
Đồ mộc dùng cho văn phòng	sản phẩm	5866	6162	6980	7197	7328
Đồ mộc nội thất các loại	sản phẩm	95290	107833	108776	108804	109733
Đồ mộc ngoài trời (ghế ngồi các loại)	chiếc	6437	8214	8583	10431	10484
2. Bình Định						
Đồ mộc dùng trong xây dựng	m ³	3450	3890	4125	4350	4600
Đồ mộc nội thất các loại	m ³	2545	2760	2980	3215	3500
Đồ gỗ mỹ nghệ	sản phẩm	29452	31540	38560	27500	32000
3. Nghệ An						
Sản phẩm đồ mộc	m ³	5.120		4.700		8.200
Gỗ ván nhân tạo	m ³	11.524		10.880		15.880
Sản phẩm thủ công mỹ nghệ	Bộ	900.000		3.008.000		3.810.000
Đồ gỗ XD cơ bản và các loại khác	m ³	32.200		17.700		32.463

Nguồn: Đề tài đánh giá thực trạng và dự báo xu hướng phát triển thị trường lâm sản, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

mức sống, tập quán sử dụng đồ gỗ giữa các vùng miền trong cả nước nên nhu cầu tiêu dùng sản phẩm gỗ của người dân không giống nhau (đặc biệt là giữa nông thôn và thành thị, giữa miền núi và đồng bằng). Chính sự phong phú đa dạng về thị trường trong nước và thị hiếu của nước ngoài đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển rất đa dạng của các loại hình các doanh nghiệp cũng như có nhiều sự lựa chọn loại hình, mô hình, quy mô, chủng loại sản phẩm cho phù hợp với từng điều kiện cụ thể. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến sự phong phú của các loại hình kinh doanh chế biến gỗ, sản phẩm gỗ trong thời gian qua ở Việt Nam và cũng là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nhanh về quy mô và số lượng doanh nghiệp chế biến gỗ.

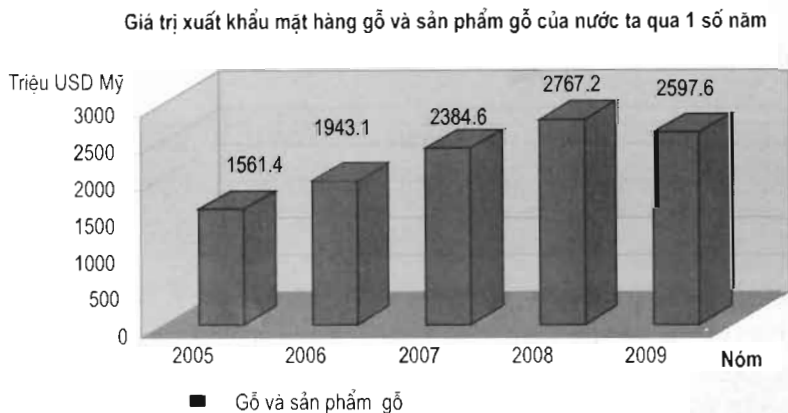
b) Thị trường xuất khẩu

Thị trường xuất khẩu sản phẩm gỗ của

Việt Nam đã có nhiều biến chuyển mạnh mẽ trong những năm gần đây, từ chỗ tập trung chuyển như Đài Loan, Singapore, Hàn Quốc... để tái xuất sang một nước thứ ba, đến nay đã xuất khẩu trực tiếp sang thị trường các nước. Hiện tại, các sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam có mặt ở 120 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới và các thị trường tiềm năng như: Nhật Bản, EU (Pháp, Đức), Hoa Kỳ do Việt Nam có nhiều lợi thế về giá nhân công rẻ và thuế xuất nhập khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào Hoa Kỳ thấp. Mặt hàng đồ gỗ được xuất khẩu với các chủng loại sản phẩm ngày càng đa dạng, từ hàng trang trí nội thất trong nhà, hàng ngoài trời... đến các mặt hàng dăm gỗ. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ, sản phẩm gỗ của Việt Nam liên tục tăng trong các năm gần đây, được minh họa ở Biểu đồ 1.

Năm 2006 các nước nhập khẩu gỗ Việt Nam như sau: Hoa Kỳ đứng đầu nhập

Biểu đồ 1: Giá trị xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Niên giám Thống kê, 2010.

25,8% tổng sản lượng sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam, sau đó lần lượt là các nước Nhật Bản 16%, Anh 11%, Đài Loan 6,1%, Pháp 4,6%, Đức 4,3%, Úc 3,5%, Hà Lan 3,2%, Hàn Quốc 3%, Trung Quốc 2,8%, Bỉ 2%, Tây Ban Nha 1,7%, Đan Mạch 1,6%, Malaysia 1,4%; các nước còn lại là 17,8%.

Cơ cấu lâm sản xuất khẩu bao gồm: sản

phẩm gỗ xuất khẩu chiếm 94,4%, trong đó đồ gỗ nội thất chiếm 51,9%; đồ gỗ ngoài trời chiếm 27,5%, hàng thủ công mỹ nghệ chiếm 13,8%; dăm gỗ chiếm 6,8% giá trị xuất khẩu sản phẩm gỗ, được minh họa ở Bảng 8.

Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của nước ta sang các thị trường chính được thể hiện ở Bảng 9.

Bảng 8: Cơ cấu giá trị sản phẩm gỗ xuất khẩu ở Việt Nam năm 2005

STT	Sản phẩm	Tỷ lệ (%)
1	Đồ gỗ nội thất	51,9
2	Đồ gỗ ngoài trời	27,5
3	Hàng thủ công mỹ nghệ	13,8
4	Dăm gỗ	6,8
	Tổng cộng	100

Nguồn: Trần Đức Sinh, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2005.

Bảng 9: Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ sang các thị trường chính, 2003-2007

Đơn vị: Triệu USD

Thị trường xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam	2003	2004	2005	2006	2007
Hoa Kỳ	115,46	318,8	566,96	744,1	930
EU	160,74	379,1	457,63	500,23	
Nhật Bản	137,91	180	240,8	286,8	

Nguồn: Báo cáo tổng hợp quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025, Cục chế biến, Thương mại Nông lâm Thủy sản và nghề muối, 2010.

4. Thiết bị và công nghệ

Công nghệ và thiết bị là hai yếu tố quan trọng với bất kỳ ngành sản xuất nào, bởi vì nó quyết định chất lượng sản phẩm, tiêu hao nguyên - nhiên liệu, năng suất của dây chuyền và vì thế nó quyết định giá thành sản phẩm và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Hơn nữa công nghệ và thiết bị của một dây chuyền sản xuất còn có liên quan ảnh hưởng đến môi trường do quá trình sản xuất gây ra.

Chế biến sản phẩm gỗ bao gồm hai công đoạn: Chế biến gỗ xẻ và chế biến đồ mộc:

Chế biến gỗ xẻ:

Chế biến gỗ là một trong các ngành công nghiệp có trình độ công nghệ và thiết bị ở mức thấp so với nhiều ngành công nghiệp khác ở Việt Nam. Trong đó, công nghiệp chế biến gỗ xẻ hiện đang ở mức thấp kém trong ngành công nghiệp chế biến lâm sản. Thiết bị sử dụng chủ yếu hiện nay vẫn là một số

loại cửa vòng (cửa vòng đứng, cửa vòng nằm), cửa đĩa. Các thiết bị này chủ yếu được chế tạo trong nước, một số ít được nhập khẩu từ Pháp, Nhật Bản, Đài Loan nhưng là những thiết bị đơn lẻ và phần lớn những thiết bị được nhập khẩu từ những năm 90. Tỷ lệ cơ giới hoá và trình độ công nghệ trong công nghiệp chế biến gỗ xẻ ở Việt Nam hiện nay ở mức thấp và hầu như không phát triển so với những năm 1990 (giai đoạn phát triển sản phẩm gỗ xẻ cho xuất khẩu) thậm chí còn tụt hậu do một số xưởng xẻ có thiết bị xẻ cơ giới hoá và tự động hoá phải ngừng hoạt động do không còn đủ nguyên liệu.

Nâng cao tỷ lệ thành khí, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động và giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường trong công nghiệp chế biến gỗ xẻ là những khó khăn và thách thức lớn hiện nay. Vấn đề này không dễ giải quyết khi quy mô các xưởng xẻ hiện nay rất nhỏ, lại phân bố không tập trung, nguồn nguyên liệu cho gỗ xẻ vừa ít, lại phân tán.

Công nghiệp chế biến đồ mộc

Giai đoạn cuối những năm 1990 trở lại đây, công nghiệp chế biến đồ mộc đã có bước phát triển đáng kể về quy mô sản xuất, trình độ công nghệ và chất lượng sản phẩm.

Nhiều dây chuyền thiết bị đồng bộ với công nghệ chế biến gỗ tiên tiến đã được nhập khẩu vào Việt Nam vì thế chất lượng sản phẩm đồ mộc đã được cải thiện đáng kể, giá trị và sản lượng hàng hoá tăng nhanh (thể hiện qua giá trị xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của nước ta qua 1 số năm - Biểu đồ 1). Có thể nói ngành công nghiệp chế biến gỗ ở Việt Nam hiện nay nhìn chung đã có bước phát triển thể hiện qua giá trị kim ngạch xuất khẩu liên tục tăng trưởng từ năm 2003 đến nay. Để đạt được thành công này, việc đầu tư đổi mới thiết bị và công nghệ trong sản xuất đồ mộc đóng vai trò quan trọng.

Cùng với sự tiến bộ khoa học kỹ thuật của công nghiệp nói chung, công nghiệp sản xuất đồ mộc đã được trang bị các thiết bị cơ giới cho hầu hết các công đoạn sản xuất. Có thể nhận định rằng 100% các cơ sở sản xuất đồ mộc dân dụng đều có các thiết bị, công cụ cơ giới như cửa, khoan, bào, đánh nhẵn,... Nhưng đánh giá trên phạm vi cả nước, thiết bị và công nghệ sản xuất của ngành chế biến đồ mộc vẫn đang trong tình trạng thiếu đồng bộ, nhìn chung còn đang ở mức lạc hậu.

Từ thực trạng trên có thể rút ra một số nhận xét như sau:

- Ngành chế biến gỗ nước ta đang bắt đầu phát triển nhanh, đã thu hút nhiều dự án sản xuất đồ gỗ trong và ngoài nước.

- Nhiều doanh nghiệp chế biến gỗ đã chú trọng đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng thị hiếu của khách hàng trong và ngoài nước nên giá trị sản xuất luôn đạt mức tăng trưởng cao.

- Thị trường xuất khẩu đồ gỗ đã có nhiều biến chuyển mạnh mẽ trong những năm gần đây, từ chỗ tập trung vào các thị trường trung chuyển như Đài Loan, Singapore, Hàn Quốc... để tái xuất khẩu sang một nước thứ ba, đến nay đó xuất khẩu trực tiếp sang các thị trường của người tiêu dùng. Đồng thời, nhu cầu sử dụng đồ gỗ gia dụng của thế giới tăng mạnh, đặc biệt là một số thị trường lớn tiêu thụ mạnh như Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ và Đài Loan..., đó tạo cơ hội cho sản xuất và xuất khẩu đồ gỗ tăng mạnh, giúp cho nhiều doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực này.

Thị trường nội địa ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản phẩm hàng hóa của ngành công nghiệp chế biến gỗ nước ta.

Hạn chế, khó khăn

- Hiện các doanh nghiệp phải nhập khẩu tới 80% gỗ nguyên liệu. Giá nguyên liệu gỗ đang tăng do nạn cháy rừng, lũ lụt, môi trường suy thoái...Chi phí cho cước vận chuyển cũng không nhỏ.

- Máy móc thiết bị vẫn còn lạc hậu (chủ yếu là sản xuất thủ công), chất lượng sản phẩm thấp, chưa đủ năng lực để chế tác ra các sản phẩm mang tính kỹ xảo cao, chi phí nguyên liệu đầu vào cao dẫn đến giá thành cao, làm cho lợi nhuận thấp. Muốn đổi mới công nghệ đòi hỏi phải có đầu tư lớn để cải tạo và nâng cấp các cơ sở chế biến hiện tại.

5. Một số giải pháp đẩy mạnh ngành công nghiệp chế biến gỗ nước ta hướng tới thị trường tiêu thụ nội địa

a) Giải pháp về vốn

Tranh thủ tối đa các nguồn vốn trong và ngoài nước bằng các giải pháp như:

- Vốn vay: nguồn vốn dễ tiếp cận và tranh thủ nhất là vay ngân hàng, tuy nhiên, các doanh nghiệp cần chú ý trong việc tự nâng cao uy tín cho mình bằng

chính những hiệu quả thực tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Vốn từ liên doanh liên kết:** đây là hình thức huy động vốn hiệu quả, việc tăng cường liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước là hình thức tranh thủ nguồn vốn mà các doanh nghiệp cần tập trung khai thác, đặc biệt là các doanh nghiệp ở các địa phương lân cận. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần có các giải pháp tổ chức sản xuất hiệu quả, có như vậy mới lôi kéo được sự thoả thuận liên kết của các đối tác.

b) Giải pháp về sản xuất kinh doanh

Giữ vững và khai thác tối đa thị trường hiện có: các doanh nghiệp cần chú ý trong giai đoạn đầu hội nhập WTO và hội nhập hoàn toàn vào AFTA, vấn đề đầu tiên là phải đảm bảo giữ vững được thị trường hiện có của chính mình, hãy khai thác và tận dụng tối đa thị trường nội địa trước khi mở rộng ra thế giới.

Đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm; hợp lý hoá sản xuất nhằm tăng năng suất và hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá mẫu mã; các doanh nghiệp chế biến sản phẩm gỗ chủ động xây dựng các phương án liên kết với người sản xuất nguyên phụ liệu, chủ động đảm bảo ổn định đầu vào, làm cơ sở tiền đề cho việc ổn định sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Các giải pháp nên thực hiện bao gồm: ký kết các hợp đồng thu mua dài hạn, có linh hoạt về giá cả, đầu tư hỗ trợ vốn, hỗ trợ công nghệ

c) Giải pháp về lao động

Cho đến nay, lao động có trình độ giáo dục cao và giá rẻ vẫn được xem là lợi thế so sánh lớn của Việt Nam so với nhiều nước đang phát triển khác trên thế giới. Tuy nhiên, việc khai thác triệt để lợi thế này để trở thành lợi

thế cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực vẫn còn khá hạn chế.

Từ phạm vi doanh nghiệp, để khai thác được lợi thế này, các doanh nghiệp cần phải có các chính sách thực tế hơn trong việc quản lý lực lượng lao động của mình, cụ thể là: Tạo sự gắn bó về quyền lợi và trách nhiệm của người lao động với doanh nghiệp bằng các biện pháp: đầu tư đào tạo đội ngũ lao động; đảm bảo công ăn việc làm ổn định, lâu dài cho người lao động; xây dựng chế độ tiền lương và thưởng theo hướng khuyến khích người lao động có những đóng góp tích cực.

d) Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp lại là giải pháp quan trọng để doanh nghiệp đạt được mức tăng trưởng cao.

- Khai thác có hiệu quả hơn các lợi thế so sánh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm tạo ra các sản phẩm thoả mãn tốt nhu cầu trong nước và quốc tế cả về chất lượng và giá cả;

- Chú trọng đến khâu nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, hiện đại hoá khâu thiết kế sản phẩm, gia tăng giá trị sử dụng của sản phẩm dựa vào đổi mới thiết kế chứ không phụ thuộc vào công nghệ sản xuất;

- Tìm kiếm các nguồn nhập khẩu các yếu tố đầu vào trung gian thực sự cần thiết để sản xuất sản phẩm có chi phí thấp nhất hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm;

- Thông qua các cơ quan Nhà nước và các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp để tìm kiếm thông tin hoặc liên kết thực hiện những nghiên cứu về thị trường, tiếp thị và phân phối sản phẩm;

- Chú trọng đến nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống phân phối, kể cả dịch vụ

phục vụ trước, trong và sau khi bán hàng phù hợp với đặc điểm văn hoá, tiêu dùng ở những thị trường tiêu thụ khác nhau;

- Lựa chọn các khâu quan trọng trong dây truyền sản xuất có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng và giá thành sản phẩm để tiến hành hiện đại hoá sớm;

- Xây dựng năng lực nắm bắt và phản ứng nhanh của doanh nghiệp trước những thay đổi của đối thủ cạnh tranh trên thị trường;

- Nâng cao trình độ hiểu biết về luật thương mại quốc tế, dự kiến được tình huống và sẵn sàng đương đầu với các tranh chấp thương mại quốc tế; và

- Tăng cường các dịch vụ hỗ trợ sản xuất và kinh doanh như dịch vụ tư vấn, dịch vụ nghiên cứu, dịch vụ pháp lý, thăm dò, nghiên cứu thị trường ...

e) Tập trung xây dựng chiến lược doanh nghiệp để đạt được mục tiêu phát triển hữu hiệu nhất ở tầm dài hạn

Mặc dù, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là một trong những giải pháp tiên quyết để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp hiện nay. Tuy nhiên, hiệu quả đó sẽ không tồn tại lâu dài nếu hoạt động của doanh nghiệp không tuân theo một hướng phát triển dài hạn và nhất quán.

Một là, lựa chọn hướng để xây dựng chiến lược bằng việc đặt ra mục tiêu cạnh tranh để chuyển hoá lợi thế về giá lao động rẻ hay tài nguyên dồi dào thành cung cấp những sản phẩm có ưu thế cơ bản về chi phí và giá trị cho khách hàng. Đồng thời, doanh nghiệp phải cố gắng để đầu tư cải tiến kỹ thuật, công nghệ và nâng cao năng lực nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới và tạo dựng được biểu trưng nhãn hiệu của riêng mình.

Hai là, quyết định để lựa chọn hướng chiến lược phát triển của doanh nghiệp dựa trên cơ sở đánh giá các khả năng bên trong và bên ngoài: Xác định các đặc điểm kinh tế chủ chốt như thị trường, thị phần, các điều kiện của thị trường, khách hàng, công nghệ, đặc điểm của sản phẩm, quy mô tối ưu của sản lượng...; Xác định các nhân tố tác động đến sự phát triển của từng ngành, điều kiện cạnh tranh, điều kiện thay đổi công nghệ, nguyên vật liệu, phương hướng kinh doanh, xu hướng tiêu dùng của thị trường...

f) Đối mới và hiện đại hoá công nghệ với chi phí thấp

- Mua thiết bị có công nghệ tương đối hiện đại, nhưng mức tự động hoá còn thấp, sau đó tự nâng cấp trình độ tự động hoá bằng sử dụng linh kiện cả ở trong và ngoài nước sản xuất.

- Đối với các công nghệ hoặc thiết bị khó nhập khẩu hoặc nhập khẩu quá đắt, các doanh nghiệp cần hợp tác với các cơ quan nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của Nhà nước cùng đầu tư nghiên cứu để thiết kế và chế tạo.

- Các doanh nghiệp cần khai thác các thông tin qua mạng để tham khảo các hướng công nghệ mới và tìm kiếm sự trợ giúp kỹ thuật từ bên ngoài doanh nghiệp.

- Đầu tư nghiên cứu, đổi mới công nghệ và thiết bị theo hướng tập trung ở một vài khâu then chốt có ảnh hưởng quyết định nhất.

- Dựa vào sự hỗ trợ của các cơ quan Nhà nước, các trường đại học, viện nghiên cứu để hiện đại hoá công nghệ của mình.

- Doanh nghiệp cần coi việc hiện đại hoá là một quá trình tích tụ phát triển từ thấp đến cao, trong đó xác định mức công nghệ mà doanh nghiệp cần có để tạo ra được các sản phẩm có ưu thế cạnh tranh tổng hợp. Từ đó, lựa chọn công nghệ để hiện đại hoá dần dần từng bước.

6. Kiến nghị

Trước hết là cần đổi mới công tác quy hoạch, tạo điều kiện cho doanh nghiệp về mặt bằng cho sản xuất, kinh doanh. Cần nâng cao chất lượng công tác quy hoạch (vùng nguyên liệu và khu công nghiệp chế biến) ở tầm quốc gia và địa phương; và nhất là gắn công tác quy hoạch với bảo vệ môi trường.

Về chính sách đất đai: Cần phải thông thoáng, các thủ tục về đất đai cần phải giải quyết nhanh và tạo điều kiện cho doanh nghiệp.

Về chính sách tín dụng: đơn giản các thủ tục, có thể cho doanh nghiệp được vay tín chấp. Có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp khi gặp rủi ro, đặc biệt có chính sách ưu đãi lãi suất cho doanh nghiệp khi mới thành lập.

Về chính sách đào tạo: Nên xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp, có thể hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp đào tạo công nhân lành nghề. Một biện pháp đưa ra là mỗi địa phương nên thành lập một trung tâm đào tạo công nhân kỹ thuật để cung cấp lao động có tay nghề cho các doanh nghiệp tại địa phương.

Chính sách khoa học công nghệ: Phổ biến công nghệ hiện đại cho doanh nghiệp. Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khi đầu tư dây chuyền sản xuất mới.

Chính sách khuyến khích đầu tư: Tuy đã tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhưng cần có ưu tiên riêng cho lĩnh vực sản xuất, chế biến và tiêu thụ hàng đồ gỗ.

Đồng thời, sớm ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu để hàng hoá của doanh nghiệp sản xuất, chế biến và tiêu thụ lâm sản nói chung và doanh nghiệp sản xuất, chế biến và tiêu thụ ngành hàng đồ gỗ nói riêng có chỗ đứng trên thị trường trong nước và quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2006), *Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2020*, Hà Nội 4/2006.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Vụ Khoa học Công nghệ và Chất lượng sản phẩm, *Thực trạng và xu hướng phát triển công nghiệp chế biến gỗ ở Việt Nam đến năm 2010*, Tài liệu hội thảo, Hà Nội 2001.
- Cục Chế biến, Thương mại Nông Lâm Thủy sản và nghề muối (2003), *Định hướng phát triển chế biến gỗ đến năm 2010*, Tài liệu Hội nghị xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp và dự án trồng mới 5 triệu ha rừng giai đoạn 2005 - 2010 ngày 16-17/12/2003.
- Cục Chế biến, thương mại Nông Lâm Thủy sản và nghề muối (2010), *Dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025*, Hà Nội 2010.
- Đỗ Đình Sâm (2006), *Tổng quan ngành công nghiệp chế biến lâm sản ở Việt Nam*, Dự án nhu cầu tương lai ngành công nghiệp chế biến lâm sản ở Việt Nam, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
- Hội thảo xây dựng chương trình Chế biến gỗ và thương mại lâm sản trong Chiến lược lâm nghiệp Quốc gia" tại TP. Hồ Chí Minh ngày 9/9/2005
- Nguyễn Thị Lai (2003), *Nghiên cứu chính sách phát triển thị trường gỗ nguyên liệu cho công nghiệp giấy và ván nhân tạo*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
- Trần Việt Trung (2008), *Đánh giá thực trạng và dự báo xu hướng phát triển thị trường lâm sản*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
- Viện điều tra quy hoạch rừng (2005), *Dự thảo Đề án trồng rừng nguyên liệu gỗ phục vụ công nghiệp chế biến, sản xuất sản phẩm xuất khẩu*, Hà Nội 4/2005